

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/LĐ-ST
Ngày: 09-8-2023
V/v tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp
đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh Thy - Hiệu trưởng Trường THCS Tân Bửu
2. Bà Nguyễn Anh Thư – Nguyên Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện Bến Lức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Bà Lê Hà Thảo Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 20/2023/TLST-LĐ ngày 30/5/2023 về việc “Tranh chấp vô hiệu hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-LĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Thanh T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Trần Văn C, sinh năm 1967;
Địa chỉ: Số H L, phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Công ty TNHH L;

Địa chỉ: Số D Bà C, Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Lee Jui C1 – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Trang Kim D – Chức vụ: Trưởng phòng Nhân sự.

2. **Bảo hiểm xã hội tỉnh L;**

Địa chỉ: **Số H**, tuyến tránh **Quốc Lộ A**, Phường **D**, thành phố **T**, tỉnh **Long An**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà **Đoàn Thị Thanh T** do ông **Trần Văn C** đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Bà **Đoàn Thị Thanh T** là người lao động làm việc và đóng bảo hiểm tại **Công ty TNHH MTV G** tọa lạc tại **huyện C, tỉnh Hậu Giang** từ tháng 01/2013 đến tháng 5/2021. Bà nghỉ việc tại Công ty từ ngày 05/6/2021. Tuy nhiên, khi bà **T** làm thủ tục thanh toán bảo hiểm xã hội tại tỉnh Hậu Giang thì phát hiện bà có hai sổ bảo hiểm, đóng trùng thời gian từ tháng 7/2014 đến tháng 9/2014 tại **Bảo hiểm xã hội huyện C**, tỉnh Hậu Giang và **Bảo hiểm xã hội tỉnh L**.

Vào năm 2014, bà **Nguyễn Thị Vân A** là em dâu của bà **T** (sống chung nhưng không đăng ký kết hôn với em của bà **T**) mượn Giấy chứng minh nhân dân và hồ sơ xin việc của bà **T** để ký Hợp đồng xin việc tại Chi nhánh **Công ty TNHH L** ở **huyện Đ, tỉnh Long An**. **Công ty TNHH L** đóng bảo hiểm cho bà **Vân A** bằng thông tin cá nhân của bà **Đoàn Thị Thanh T** từ tháng 7/2014 đến tháng 9/2014. Bà **T** xác định từ trước đến nay bà không làm việc tại **công ty TNHH L** hay bất cứ công ty nào thuộc tỉnh Long An. Hiện nay bà **T** đang gặp khó khăn trong việc thanh toán bảo hiểm xã hội tại tỉnh Hậu Giang. Việc bà **Vân A** sử dụng hồ sơ của bà **T** để giao kết hợp đồng lao động với **Công ty TNHH L** là vi phạm nguyên tắc trung thực và cung cấp thông tin theo quy định Bộ luật Lao động.

Tại đơn khởi kiện ngày 08/12/2022, bà **T** yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động ký kết năm 2014 giữa **Công ty TNHH L1** với bà **Đoàn Thị Thanh T**, sinh năm 1982, CMND số 362108139 và hủy sổ bảo hiểm xã hội đóng cho bà **Đoàn Thị Thanh T** từ tháng 7/2014 đến tháng 9/2014 tại **Bảo hiểm xã hội tỉnh L**.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 21/7/2023, bà **T** xác định chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động số 26.06.2014 ngày 15/6/2014 giữa **Công ty TNHH L** với bà **Đoàn Thị Thanh T**, sinh năm 1982, CMND số 362108139, địa chỉ: **xã T, huyện C, tỉnh Cần Thơ** (nay là tỉnh **Hậu Giang**). Không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu. Rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy sổ bảo hiểm xã hội đóng cho bà **Đoàn Thị Thanh T** từ tháng 7/2014 đến tháng 9/2014 tại **Bảo hiểm xã hội tỉnh L**.

Bị đơn **Công ty TNHH L** do bà **Lê Thị Trang Kim D** diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty TNHH L ký kết Hợp đồng lao động với bà **Đoàn Thị Thanh T**, sinh ngày 27/6/1982, CMND số 362108139; Địa chỉ: **T, C, tỉnh Cần Thơ** số 26.06.2014 ngày 15/6/2014, thời hạn hợp đồng là 01 năm từ ngày 15/4/2014 đến 15/6/2014. Thử việc từ 15/4/2014 đến 15/6/2014. Làm việc tại **Công ty TNHH L**. Đến ngày 07/10/2014 thì người lao động tự động nghỉ việc. Tổng thu nhập trong thời gian làm việc tại Công ty là 24.435.321 đồng, tổng khấu trừ BHXH, BHYT, BHTN

tháng 7/2014 đến tháng 9/2014 là 893.183 đồng, tổng tiền công ty đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động từ tháng 7/2014 đến tháng 9/2014 là 1.871.430 đồng.

Bà **Đoàn Thị Thanh T** khởi kiện yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động trên vì cho rằng bà không ký hợp đồng và làm việc tại **Công ty TNHH L** mà người ký hợp đồng và làm việc thực tế tại Công ty là bà **Nguyễn Thị Vân A** mượn giấy tờ tùy thân của bà thì công ty có ý kiến như sau: Xem xét người làm việc thực tế tại Công ty theo Hợp đồng lao động với bà **Đoàn Thị Thanh T** theo chứng minh nhân dân số 362108139, căn cước công dân số 093182006533 đang khởi kiện là không cùng một người. Tuy nhiên, việc Công ty giao kết hợp đồng lao động với người lao động dựa trên hồ sơ xin việc dữ liệu cá nhân của bà **Đoàn Thị Thanh T** có dán hình ảnh được cơ quan chức năng xác minh theo qui định. Người lao động đã nghỉ việc từ tháng 10/2014, hồ sơ xin việc là thông tin cá nhân của bà **T** nên Công ty không xác định được người làm việc thực tế tại Công ty là ai và không cung cấp được thông tin họ tên, năm sinh, địa chỉ của họ. Đối với yêu cầu của bà **T** thì Công ty sẽ thực hiện theo quyết định của Tòa án, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An: Căn cứ hồ sơ, dữ liệu quản lý thu Bảo hiểm xã hội thì bà **Đoàn Thị Thanh T**, mã số BHXH 8014017130 là Công nhân lắp ráp bình ắc quy tại Chi nhánh **Công ty TNHH L** - Nhà máy sản xuất tại **D** có thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 7/2014 đến tháng 9/2014 là 03 tháng, tỷ lệ đóng BHXH vào quỹ hưu trí, tử tuất là 26% và tỷ lệ đóng bảo hiểm thất nghiệp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp là 3% của mức lương đóng là 2.835.500 đồng. **Bảo hiểm xã hội tỉnh L** đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trái với quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án:

Vào ngày 15/6/2014 **Công ty TNHH L** có ký Hợp đồng lao động số 26.06.2014 với người lao động mang tên **Đoàn Thị Thanh T**, sinh ngày 27/6/1982, CMND số 352108139, địa chỉ **T, Châu Thành A1**, Cần Thơ (nay là tỉnh Hậu Giang). Loại hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm từ ngày 15/6/2014 đến ngày 15/6/2015 nhưng đến ngày 07/10/2014 thì người lao động tự nghỉ việc. **Công ty TNHH L** trả lương và đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo hợp đồng lao động từ tháng 7/2014 đến tháng 9/2014.

Việc giao kết hợp đồng lao động phù hợp về nội dung và hình thức theo quy định Bộ luật Lao động. Tuy nhiên, theo biên bản làm việc ngày 27/9/2022 của Bộ phận xác minh thuộc **Bảo hiểm xã hội huyện C**, tỉnh Hậu Giang tại **Công ty TNHH MTV G**, đã xác định bà **Đoàn Thị Thanh T** (nguyên đơn) là người trực tiếp có làm việc và tham gia BHXH tại **Công ty G** thời gian từ tháng 01/2013 đến

tháng 5/2021. Hồ sơ xin việc của người làm việc thực tế tại Công ty TNHH L có hình ảnh dán trên hồ sơ không phải là bà T. Như vậy, có cơ sở để xác định bà Đoàn Thị Thanh T thực tế không làm việc tại tỉnh Long An trong thời gian từ tháng 7/2014 đến tháng 9/2014. Thông tin của người lao động trên hợp đồng lao động không phải là người thực tế làm việc tại Công ty L. Việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động thì đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Thanh T là có cơ sở chấp nhận.

Công ty TNHH L - Chi nhánh S là đơn vị phụ thuộc của Công ty TNHH L có trụ sở chính tại số D, Bà C, Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An và theo quy định Bộ luật dân sự thì các giao dịch dân sự do chi nhánh xác lập, thực hiện làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của pháp nhân là Công ty TNHH L. Do đó, Tòa án xác định Công ty TNHH L là bị đơn trong vụ án là đúng quy định.

Về người làm việc thực tế tại Công ty TNHH L theo bà T trình bày là bà Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh của Công an xã C, huyện A và Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An đều xác định người tên Nguyễn Thị Vân A sinh năm 1978, không có thực tế tại địa chỉ Thôn B, xã C và trên hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia. Người lao động đã nghỉ việc từ tháng 10/2014 và Công ty TNHH L cũng không xác định được người làm việc thực tế tại Công ty là ai nên Tòa án nhân dân huyện Bến Lức không làm việc được với bà Vân A để làm rõ sự việc và ý kiến của bà Vân A đối với yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động số 26.06.2014 của bà T.

Đối với yêu cầu Tòa án hủy sổ bảo hiểm xã hội do Công ty TNHH L đóng cho bà Đoàn Thị Thanh T từ tháng 7/2014 đến tháng 9/2014 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh L, do bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và xét thấy việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

Đối với việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, do bà T và các đương sự khác không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu, bị đơn có trụ sở chính tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. Căn cứ Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2012; Điều 49, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2014; khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh

chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về xác định tư cách đương sự:

[2.1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà **Đoàn Thị Thanh T** khởi kiện yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động số 26.06.2014 ngày 15/6/2014 giữa **Công ty TNHH L-Chi nhánh S** với bà **Đoàn Thị Thanh T**, yêu cầu hủy sổ bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An. Hợp đồng lao động do chi nhánh xác lập, thực hiện làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của pháp nhân là **Công ty TNHH L**. Căn cứ khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xác định **Công ty TNHH Le Long Việt Nam và Bảo hiểm xã hội tỉnh L** là bị đơn.

[2.2] Theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì người làm việc thực tế tại **Công ty TNHH L** được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Theo đơn khởi kiện, bà **T** xác định bà **Nguyễn Thị Vân A**, sinh năm 1978; Địa chỉ: **Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An** là người mượn giấy tờ tùy thân của bà **T** để ký hợp đồng và làm việc thực tế tại **Công ty TNHH L**. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xác định bà **Nguyễn Thị Vân A** là người liên quan và tiến hành xác minh, ủy thác tư pháp thu thập tài liệu chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh của **Công an xã C, huyện A** và Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An đều xác định người tên **Nguyễn Thị Vân A** sinh năm 1978, không có thực tế tại địa chỉ **Thôn B, xã C** và trên hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia. **Công ty TNHH L** cũng không xác định được người làm việc thực tế tại Công ty, bà **T** không cung cấp được thông tin, địa chỉ khác của bà **Vân A**. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đưa vụ án ra xét xử mà không xác định bà **Nguyễn Thị Vân A** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Tuy nhiên, trong vụ án này không có đương sự nào yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên Tòa án không xem xét về thời hiệu.

[4] Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà **Đoàn Thị Thanh T** do ông **Trần Văn C** đại diện hợp pháp theo ủy quyền, bị đơn **Công ty TNHH L**, Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự.

[5] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông **Trần Văn C** đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn **Đoàn Thị Thanh T** có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu hủy sổ bảo hiểm thời gian đóng từ tháng 7/2014 đến tháng 9/2014 mang tên **Đoàn Thị Thanh T** tại **Bảo hiểm xã hội tỉnh L**. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nằm trong phạm vi ủy quyền và việc rút đơn là tự nguyện nên được chấp nhận. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

Về nội dung:

[6] Nguyên đơn bà Đoàn Thị Thanh T yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động số 26.06.2014 ngày 15/6/2014 giữa Công ty TNHH L-L với bà Đoàn Thị Thanh T, sinh năm 1982, CMND số 362108139, địa chỉ: xã T, huyện C, tỉnh Cần Thơ (nay là tỉnh Hậu Giang). Xét thấy:

[7] Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng lao động được ký kết từ năm 2014 là trong giai đoạn Bộ luật Lao động 2012 có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 220 Bộ luật Lao động 2019: “1. Bộ luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Bộ luật này có hiệu lực. 2. Kể từ ngày Bộ luật này có hiệu lực thi hành, hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, các thỏa thuận hợp pháp đã giao kết có nội dung không trái hoặc bảo đảm cho người lao động có quyền và điều kiện thuận lợi hơn so với quy định của Bộ luật này được tiếp tục thực hiện, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung để phù hợp và để áp dụng quy định của Bộ luật này”. Do đó, pháp luật áp dụng giải quyết là Bộ luật Lao động 2012 và Bộ luật Lao động 2019.

[8] Hợp đồng lao động số 26.06.2014 ngày 15/6/2014 được giao kết phù hợp về nội dung và hình thức theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Bộ luật Lao động 2012, Điều 20, Điều 21 Bộ luật Lao động 2019. Tuy nhiên, theo Biên bản làm việc ngày 27/9/2022 của Bảo hiểm xã hội huyện C tại Công ty TNHH MTV G thì bà Đoàn Thị Thanh T, sinh ngày 27/6/1982, địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang, CMND: 362108139, Căn cước công dân số: 093182006533 đối chiếu với người hiện tại thì bà T là người trực tiếp làm việc và tham gia BHXH tại công ty G từ tháng 01/2013 đến tháng 5/2021. Bà T khẳng định bà không có thời gian làm việc tại tỉnh Long An trong năm 2014. Theo hồ sơ lao động do Công ty TNHH L cung cấp thì người trực tiếp giao kết hợp đồng và làm việc thực tế tại Công ty TNHH L là người có hình ảnh dán trong hồ sơ xin việc không phải là bà Đoàn Thị Thanh T. Do đó, có cơ sở xác định bà T không làm việc thực tế tại Công ty TNHH L, thông tin của người lao động trên hợp đồng lao động không phải là người thực tế làm việc tại Công ty L, do đó việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động 2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động 2019 thì đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Thanh T về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động là có cơ sở chấp nhận.

[9] Về giải quyết hậu quả Hợp đồng lao động vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[10] Về sổ bảo hiểm mang tên Đoàn Thị Thanh T tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An: Theo xác nhận của Bảo hiểm xã hội tỉnh L và Công ty TNHH L thì Công ty TNHH L đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian từ tháng 7/2014 đến tháng

9/2014 mang tên bà **Đoàn Thị Thanh T** theo Hợp đồng lao động số 26.06.2014 ngày 15/6/2014. Tuy nhiên, Hợp đồng lao động này đã bị vô hiệu theo nhận định tại mục [8]. Mặc dù nguyên đơn đã rút đơn yêu cầu về việc hủy sổ bảo hiểm xã hội. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức kiến nghị **Bảo hiểm xã hội tỉnh L** căn cứ kết quả giải quyết của Tòa án để xử lý về sổ tiền đóng Bảo hiểm xã hội theo qui định pháp luật.

[11] Về án phí: **Công ty TNHH L** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 184, Điều 227, Điều 217 và Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 17, Điều 19 và Điều 50, 51 Bộ luật Lao động 2012; Điều 15, Điều 16 và Điều 49, Điều 50, Điều 220 Bộ luật Lao động 2019;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà **Đoàn Thị Thanh T** về yêu cầu hủy sổ bảo hiểm xã hội mang tên **Đoàn Thị Thanh T** tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Đoàn Thị Thanh T** đối với bị đơn **Công ty TNHH L** về yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động.

3. Vô hiệu Hợp đồng lao động số 26.06.2014 ngày 15/6/2014 giữa **Công ty TNHH L-chi nhánh S** với bà **Đoàn Thị Thanh T**, sinh năm 1982, CMND số 362108139, địa chỉ: **xã T, huyện C, tỉnh Cần Thơ (nay là tỉnh Hậu Giang)**.

4. Về án phí lao động sơ thẩm: **Công ty TNHH L** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CCTHADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Miên